

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20 tháng 9 năm 2021

"V/v Hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thìn và ông Nguyễn Anh Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 và 20 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Như L**; sinh năm 1950 (*có mặt*)

Nơi cư trú: Khu 15, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ph**; sinh năm 1952 (*có mặt*)

Nơi cư trú: Khu 15, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Người được bà Nguyễn Thị Ph ủy quyền đại diện để giải quyết về phần tài sản chung là bà: **Lỗ Thị Thu H**; sinh năm 1987 (*có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án*)

Nơi cư trú: Số nhà 05, ngõ 142, phố T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng Giao dịch huyện T do ông **Dương Anh T** - Giám đốc Phòng Giao dịch đại diện (*đề nghị xét xử vắng mặt*)

2. Chị **Nguyễn Thị Ph**; sinh năm 1982 (*vắng mặt*)

Nơi cư trú: Khu Đ, phường P, quận K, Hải Phòng.

3. Anh **Nguyễn Đức Ng**; sinh năm 1986 (*có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án*)

Nơi cư trú: Khu 15, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Như L trình bày như sau:

- Ông và bà Nguyễn Thị Ph tự nguyện kết hôn với nhau tháng 01/1977, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã H), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, ông dùng tiền Nhà nước chi trả chế độ cho ông để mua nhà đất ở Nông trường V, vợ chồng sống chung ở đó cho đến năm 1980 thì bán nhà đất ở V rồi mua đất tại khu vực D thuộc khu 15, xã Y (nay là xã H) và ở từ đó cho đến nay. Vợ chồng chung sống đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do có nhiều bất đồng trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra va chạm xích mích, bà Ph thường đi nói xấu, xúc phạm danh dự ông và gia đình nội tộc nhà ông, đập phá tài sản và có suy nghĩ hành động nhằm hại ông dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không có hạnh phúc. Mặc dù các con và người thân trong gia đình đã tham gia góp ý nhiều lần nhưng không kết quả mà mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, vợ chồng đã sống ly thân và ăn riêng nhiều năm, không còn quan tâm trách nhiệm với nhau, tình cảm không còn vì vậy ông yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Thị Ph.

- Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Ph có với nhau 05 người con gồm; Nguyễn Thị Ph-ong L, sinh năm 1977; Nguyễn Đức L, sinh năm 1978; Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1982; Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1984 và Nguyễn Đức Ng; sinh năm 1986. Tất cả các con chung đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản đã được Tòa án thẩm định, định giá ngày 21/7/2021 ông không có ý kiến gì gồm:

+ Quyền sử dụng thửa đất số 21 diện tích 112,0 m² (đất ở) tại khu 15, xã H huyện T đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số AE 179829 ngày 29/12/2006 đứng tên Nguyễn Như L và Nguyễn Thị Ph trị giá 2.016.000.000.đ và các tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà 01 tầng phòng khách xây dựng năm 1985, diện tích 37,44 m² (trong đó có 01 phần diện tích nằm trên hành lang giao thông) trị giá 45.000.000.đ; 01 nhà xây 04 tầng (tầng 1 tổng diện tích 91,35 m²; tầng 2, 3,4 mỗi tầng có diện tích sàn 60,0 m²; tum, kho diện tích 20,0 m²; mái chống nóng lợp tôn diện tích 51,35 m²) trị giá 873.709.000.đ và còn có sân, hè, cửa xếp sắt kéo, cổng, tường do hết khấu hao không định giá;

+ 02 téc nước Tân Á (đã cũ) trị giá 1.500.000.đ (750.000.đ/chiếc);

+ 01 tủ lạnh Aqua (đã cũ) trị giá 1.500.000.đ;

+ 06 chiếc vô tuyến, 05 chiếc quạt điện, 06 bình nóng lạnh, 07 chiếc điều hòa, 01 chiếc máy giặt, 11 chiếc giường gỗ (đều đã cũ) thống nhất trị giá 20.000.000.đ;

+ 01 chiếc xe máy Honda biển số 19K1 - 186.18 đăng ký đứng tên Nguyễn Như L trị giá 7.000.000.đ.

Tổng giá trị toàn bộ các tài sản trên là **2.964.709.000.đ**. Ngoài ra còn một số tài sản cũ hỏng, không kê khai và không định giá.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Như L xác nhận hiện nay ông và bà Nguyễn Thị Ph còn có các khoản nợ chung gồm; nợ Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng Giao dịch huyện T số tiền gốc 50.000.000.đ; nợ con gái là Nguyễn Thị Ph tổng số tiền 870.000.000.đ và nợ con trai là Nguyễn Đức Ng tổng số tiền 200.000.000.đ (do trước đó có vay của Ngân hàng Liên Việt, lãi cao nên nhờ Ng vay hộ để trả cho Ngân hàng).

Đối với các tài sản chung trên, ông L trình bày như sau: Chiếc xe máy Honda và chiếc tủ lạnh ông mua khi vợ chồng không còn sống chung và bằng tiền riêng vì vậy là tài sản riêng của ông. Các tài sản còn lại chủ yếu công sức của ông là chính, toàn bộ số tiền vay nợ (kể cả vay Ngân hàng trước đây) đều do ông trả cả gốc và lãi, bà Ph không có đóng góp giúp đỡ gì. Vì vậy khi ly hôn chia tài sản ông yêu cầu được phần tài sản lớn hơn. Do ngôi nhà hiện nay đang sử dụng kinh doanh dịch vụ nghỉ trọ và chủ yếu do ông quản lý nên ông yêu cầu được trực tiếp quản lý sở hữu sử dụng nhà đất và toàn bộ tài sản chung trên, ông sẽ thanh toán lại tiền cho bà Ph. Còn về nợ chung thì ông và bà Ph đều phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định.

- Về quyền lưu cư: Ông L yêu cầu được sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản nên không yêu cầu lưu cư.

Ngoài yêu cầu được ly hôn và giải quyết về tài sản chung, nợ chung như đã trình bày trên, ông L không còn yêu cầu nào khác.

* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị Ph trình bày như sau:

- Bà Ph xác nhận về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn và thời gian vợ chồng chung sống đúng như ông L đã trình bày ở trên. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn khoảng 10 năm trước, nguyên nhân là do ông L có quan hệ ngoại tình với người khác, không quan tâm đến gia đình. Mặc dù bà cùng các con cố tham gia nhắc nhở, góp ý nhưng không kết quả và từ nhiều năm nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, dù vẫn sống chung nhà nhưng ăn riêng, mọi thu nhập kinh tế gia đình đều do ông L thu chi quản lý không giúp đỡ bà. Nay bà xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn vì vậy bà cũng yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Như L.

- Về con chung: Bà Ph xác nhận bà và ông Nguyễn Như L có 05 người con chung đúng như ông L đã trình bày ở trên, các con đều đã trưởng thành vì vậy bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản: Bà Lỗ Thị Thu H là người được bà Nguyễn Thị Ph ủy quyền để giải quyết về phân tài sản và bà Ph thống nhất trình bày như sau: Toàn bộ tài sản chung của ông L, bà Ph như ông L đã trình bày trên là hoàn toàn đúng. Tài sản trên đã được Tòa án xem xét thẩm định, định giá lại ngày 21/7/2021 là đúng và đầy đủ, bà H và bà Ph không bổ sung thêm và cũng không có ý kiến gì.

- Về nợ: Bà Lỗ Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Ph xác nhận vợ chồng ông L, bà Ph đang còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T, nợ anh Ng và nợ chị Ph đúng như ông L đã trình bày trên.

Bà H, bà Ph đều xác định toàn bộ tài sản và số nợ trên là tài sản chung của ông L và bà Ph, cả hai đều có công sức ngang nhau trong việc tạo lập tài sản chung vì vậy khi ly hôn yêu cầu được chia đôi mỗi người được 1/2 giá trị tài sản chung. Do ngôi nhà 04 tầng đang kinh doanh nghỉ trọ, bà Ph hiện không có công việc, không thu nhập còn ông L đã có lương hưu vì vậy bà H và bà Ph đề nghị giao cho bà Ph được quyền sở hữu sử dụng quyền sử dụng đất ngôi nhà 04 tầng và các tài sản khác trên đất, bà Ph sẽ thanh toán lại phần giá trị tài sản sản cho ông L trả nợ theo quy định của pháp luật.

- Về quyền lưu cư: Nếu Tòa án không giao tài sản là nhà ở và quyền sử dụng đất cho bà Ph được sở hữu sử dụng, thì bà Ph không yêu cầu lưu cư.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Đức Ng có mặt tại phiên tòa xác nhận anh là con chung của ông L, bà Ph và việc cho vay nợ đúng như ông L, bà Ph đã trình bày. Anh Ng yêu cầu Tòa án giải quyết việc trả nợ theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T là ông Dương Anh T và chị Nguyễn Thị Ph vắng mặt nhưng đều đã có lời khai xác nhận việc có cho ông L, bà Ph vay tiền đúng như bà Ph, ông L đã trình bày và đều yêu cầu ông L, bà Ph phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, do các đương sự không có mặt đầy đủ và cũng không yêu cầu hòa giải nên Tòa án không hòa giải được vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Như L và bà Nguyễn Thị Ph kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, do bất đồng tính cách, lối sống, trong tình cảm vợ chồng lại không có sự tin tưởng làm cho mâu thuẫn phát sinh và cả hai cũng không cùng nhau giải quyết khắc phục bất đồng làm cho mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân từ nhiều năm nay. Xét yêu cầu ly hôn của cả hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được công nhận.

[3]. Về con chung: Ông L và bà Ph có 05 người con chung nhưng đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, cả hai không yêu cầu nên không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ: Toàn bộ tài sản của ông L, bà Ph đã được thẩm định, định giá lại vào ngày 21/7/2021 theo đề nghị của bà Ph. Sau khi thẩm định, định giá lại tài sản và tại phiên tòa, các đương sự không ai có ý kiến về kết quả thẩm định và giá của tài sản vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả thẩm định, định giá tài sản ngày 21/7/2021 để giải quyết vụ án. Như vậy tổng giá trị tài sản theo kết quả định giá là **2.964.709.000.đ**.

Về phía ông Nguyễn Như L cho rằng chiếc xe máy và 01 chiếc tủ lạnh là của ông mua bằng tiền riêng khi vợ chồng đã không còn sống chung, các tài sản còn lại chủ yếu công sức của ông là chính vì vậy phải được hưởng phần giá trị tài sản nhiều hơn. Tuy nhiên, xét về nguồn gốc thì toàn bộ tài sản đều do ông L bà Ph tạo lập nên trong thời kỳ hôn nhân vì vậy phải xác nhận đây là tài sản chung. Còn việc ông L cho rằng các tài sản chủ yếu do công sức của ông là chính nhưng ngoài lời trình bày không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh. Quan điểm của bà Ph yêu cầu mỗi người hưởng 1/2 giá trị tài sản là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông L, bà Ph đều yêu cầu được quyền trực tiếp quản lý, sử dụng và sở hữu tài sản chung là thửa đất số 21, diện tích 112,0 m² (diện tích đo thực tế là 129,8 m²) cùng toàn bộ các tài sản trên đất. Căn cứ vào hiện trạng thực tế khi xem xét thẩm định tại chỗ, thì trên thửa đất có nhà 01 tầng phòng khách (trong đó có 01 phần diện tích nằm trên hành lang giao thông), 01 nhà xây 04 tầng (có tum, mái chống nóng và kho) đang sử dụng làm dịch vụ nghỉ trọ, sân tường rào cũ thì các tài sản này không thể chia bằng hiện vật mà chỉ có thể giao cho một bên trực tiếp sở hữu, sử dụng. Mặc dù cả hai bên đều có nhu cầu về chỗ ở nhưng ngôi nhà hiện sử dụng làm dịch vụ nghỉ trọ, từ trước đến nay ông L vẫn là người thường xuyên trực tiếp quản lý vì vậy để phát huy được công năng, giá trị sử dụng của tài sản nên khi ly hôn giao cho ông L được quyền sở hữu, sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cùng toàn bộ các tài sản chung khác và buộc ông L phải thanh toán lại phần giá trị tài sản chênh lệch cho bà Ph theo quy định là phù hợp.

- Về nợ: Ông L, bà Ph và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất số nợ chung gồm; nợ Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng Giao dịch T, nợ chị Nguyễn Thị Ph và nợ anh Nguyễn Đức Ng với tổng số tiền nợ là **1.120.000.000.đ**. Do toàn bộ tài sản chung giao cho ông L sở hữu, sử dụng vì vậy để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ nên giao cho ông L là người phải trả toàn bộ số nợ chung trên là phù hợp.

- Về diện tích của thửa đất số 21, tờ bản đồ số 8 (16) loại bản đồ địa chính 299 (là thửa số 341, tờ bản đồ số 32 loại bản đồ ĐCCQ). Diện tích được cấp GCNQSDĐ là 112,0 m², diện tích đo hiện trạng là 129,8 m² (tăng 17,8 m²). Đối với phần diện tích tăng thêm này mặc dù quá trình sử dụng ổn định không có tranh chấp nhưng vì nằm ngoài diện tích được cấp GCNQSDĐ nên Tòa án không định giá vào tài sản chung mà chỉ tạm giao quản lý sử dụng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự trình bày và cung cấp có thửa đất số 22, tờ bản đồ số 16 đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số B 779908 ngày 20/10/1992 đứng tên người sử dụng là ông Nguyễn Như L. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không yêu cầu thẩm định, định giá và thống nhất để cho con. Do đương sự không yêu cầu vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết đối với tài sản là thửa đất này.

[5]. Về quyền lưu cư: Các đương sự không ai có yêu cầu nên không giải quyết.

[6]. Về án phí: Theo Luật Người cao tuổi thì ông Nguyễn Như L và bà Nguyễn Thị Ph đều là đối tượng người cao tuổi, ông L còn là thương binh vì vậy miễn toàn bộ các khoản tiền án phí cho ông L và bà Ph theo quy định của pháp luật.

[7]. Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L, bà Ph đều yêu cầu thẩm định, định giá tài sản và việc thẩm định, định giá tài sản là có căn cứ, các đương sự cũng không ai có ý kiến hoặc yêu cầu gì về chi phí này vì vậy ông L, bà Ph mỗi người đều chịu tiền chi phí cho việc thẩm định, định giá theo quy định.

[8]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L và bà Ph. Xác nhận toàn bộ tài sản đã thẩm định, định giá là tài sản chung. Giao cho ông L được sở hữu chiếc xe mô tô mà ông đang sử dụng, các tài sản còn lại giao cho bà Ph được sở hữu, sử dụng và bà Ph phải có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ chung. Bà Ph phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông L từ 900.000.000.đ đến 920.000.000.đ. Tuy nhiên, như đã phân tích nhận định trên, việc giao toàn bộ tài sản cho ông L sở hữu, sử dụng sẽ đảm bảo được giá trị sử dụng và phát huy được công năng của tài sản nên việc giao tài sản cho ông L được sở hữu, sử dụng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 33, Điều 59, Điều 60, Điều 62, Điều 64 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 157, khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật Ng-ời cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Xử:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Như L và bà Nguyễn Thị Ph.

* Về con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu nên không giải quyết.

* Về tài sản: Giao cho ông Nguyễn Như L được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung hiện có gồm:

+ Quyền sử dụng thửa đất số 21, tờ bản đồ số 8 (16) loại bản đồ địa chính 299 (là thửa số 341, tờ bản đồ số 32 loại bản đồ ĐCCQ) diện tích 112,0 m² đất ở (diện tích đo hiện trạng là 129,8 m²) tại khu 15, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số AE 179829 ngày 29/12/2006 đứng tên người sử dụng là ông Nguyễn Như L và bà Nguyễn Thị Ph có trị giá **2.016.000.000.đ** và các tài sản gắn liền với thửa đất gồm: 01 nhà 01 tầng phòng khách xây dựng năm 1985, diện tích 37,44 m² (trong đó có 01 phần diện tích nằm trên hành lang giao thông) trị giá

45.000.000.đ; 01 nhà xây 04 tầng (tầng 1 diện tích 91,35 m²; tầng 2, 3,4 mỗi tầng có diện tích sàn 60,0 m²; tum, kho diện tích 20,0 m²; mái chống nóng lợp tôn diện tích 51,35 m²) trị giá **873.709.000.đ** (ngoài ra còn có sân, hè, cửa xếp sắt kéo, cổng, tường do hết khấu hao không định giá);

(Đối với phần diện tích đất tăng thêm là 17,8 m² tạm giao cho L tiếp tục quản lý và có trách nhiệm đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật);

+ 02 téc nước Tân Á (đã cũ) trị giá **1.500.000.đ** (750.000.đ/chiếc);

+ 01 tủ lạnh Aqua (đã cũ) trị giá **1.500.000.đ**;

+ 06 chiếc vô tuyến, 05 chiếc quạt điện, 06 bình nóng lạnh, 07 chiếc điều hòa, 01 chiếc máy giặt, 11 chiếc giường gỗ (đều đã cũ) có tổng trị giá **20.000.000.đ**;

(Toàn bộ các tài sản trên đang do ông Nguyễn Như L và bà Nguyễn Thị Ph sử dụng tại khu 15, xã H, huyện T).

+ 01 chiếc xe mô tô Honda (đã cũ) biển số số 19K1 - 186.18, Giấy đăng ký đứng tên ông Nguyễn Như L (hiện đang do ông L quản lý sử dụng) có trị giá **7.000.000.đ**;

Tổng giá trị tài sản giao cho ông Nguyễn Như L được quyền sở hữu, sử dụng là **2.964.709.000.đ** (hai tỷ chín trăm sáu mươi tư triệu bảy trăm linh chín nghìn đồng).

* Về nợ: Buộc ông Nguyễn Như L phải có nghĩa vụ trả toàn bộ các khoản nợ chung gồm: Trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng Giao dịch huyện T số nợ gốc **50.000.000.đ** (năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng vay; trả cho chị Nguyễn Thị Ph số tiền nợ gốc **870.000.000.đ** (tám trăm bảy mươi triệu đồng); trả cho anh Nguyễn Đức Ng số tiền nợ gốc **200.000.000.đ** (hai trăm triệu đồng).

* Về thanh toán chênh lệch tài sản: Buộc ông Nguyễn Như L phải có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị Ph tổng số tiền là **960.000.000.đ** (chín trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ngời phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án, kể từ ngày ngời đợc thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ngời phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, tiền án phí về chia tài sản và án phí về nghĩa vụ tài sản cho ông Nguyễn Như L và bà Nguyễn Thị Ph.

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Như L số tiền 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2020/0001538 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

* Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Như L và bà Nguyễn Thị Ph mỗi người phải chịu 5.500.000.đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Xác nhận ông L, bà Ph đã nộp đủ.

Trình hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã H;
- Các đơn vị;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Quang Vũ

